

Bản án số: 20/2018/DSST

Ngày 28/6/2018.

***“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Dũng.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 238/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Mỹ N, sinh năm 1984.

Trú tại: 65 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Mai Xuân V, sinh năm 1963

Địa chỉ: 267/9 đường P, tổ 13, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Mỹ N trình bày:

Do quen biết nên ngày 10/6/2016 bà Lê Mỹ N có cho ông Mai Xuân V vay với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, hạn 01 tháng sau sẽ trả nợ gốc và lãi. Khi nhận tiền hai bên có viết Giấy vay tiền đồng thời ông V có thể chấp: - 01 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Minh T (kèm theo giấy viết tay ông Tuấn bán đất cho vợ chồng ông V) (bản gốc).

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 606910 mang tên Phạm Thị N và Nguyễn Đình T (kèm theo giấy viết tay bà N bán đất cho ông V) (bản gốc).

Các giấy tờ này đều thể hiện trong Giấy vay tiền đề ngày 10/6.

Đến ngày 07/7/2016 ông V lại hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, hẹn 01 tháng sau sẽ trả nợ gốc và lãi. Khi nhận tiền hai bên có viết Giấy vay tiền đồng thời ông V có thể chấp: - 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 486922 mang tên Nguyễn Thị Đ và Huỳnh H (kèm theo giấy Sang nhượng đất, bà Đ sang nhượng đất cho ông V) (bản gốc).

Giấy tờ này thể hiện trong Giấy vay tiền đề ngày 07/7.

Cả 02 lần vay ông V thể chấp giấy tờ đều không được đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Đến hạn trả nợ bà N đã đòi nhiều lần nhưng ông V không trả mà còn thách thức hù dọa bà N. Nay bà N yêu cầu ông V trả số nợ tổng cộng là 60.000.000 đồng.

Khi khởi kiện bà N yêu cầu ông V trả lãi nhưng nay bà N rút yêu cầu trả lãi không yêu cầu ông V trả lãi. Còn những Giấy tờ ông V đã thế chấp cho bà N để vay tiền, khi nào ông V trả đủ số tiền nợ 60.000.000 đồng thì bà N sẽ trả lại giấy tờ đã nhận cho ông V và bà N tự thấy việc thế chấp không hợp pháp nên bà N không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp.

Đối với bị đơn ông Mai Xuân V, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho ông V đúng theo trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông V không đến Tòa làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Lê Mỹ N yêu cầu ông Mai Xuân V phải trả số tiền nợ là 60.000.000 đồng, bà N đã cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở để nghị chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Tòa án sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Mỹ N có đơn yêu cầu tòa án giải quyết Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Mai Xuân V là bị đơn có địa chỉ: 267/9 đường P, tổ 13, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là ông Mai Xuân V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Mỹ N yêu cầu ông Mai Xuân V phải trả nợ với số tiền là 60.000.000 đồng. Xét thấy hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn giữa bà N và ông V được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật về hình thức và nội dung nên có giá trị và được pháp luật bảo vệ

Bà N đã cung cấp 02 chứng cứ là “Giấy vay tiền” thể hiện ngày 10/6 ông V vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 07/7 ông V vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, cả 02 lần vay đều hẹn 01 tháng sau sẽ trả nợ gốc và lãi. Dưới mục “người vay” có chữ ký và chữ viết “Mai Xuân V”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông V không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện ông V đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N. Nên xét thấy yêu khởi kiện của bà N là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đối với những Giấy tờ ông V đã thế chấp cho bà N để vay tiền, khi nào ông V trả đủ số tiền nợ 60.000.000 đồng thì bà N sẽ trả lại giấy tờ đã nhận cho ông V và bà N tự thấy việc thế chấp không hợp pháp nên bà N không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp, nên Tòa không xem xét.

[4] Về lãi suất không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 91; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 398; Điều 463; Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mỹ N.

- Buộc ông Mai Xuân V phải trả cho bà Lê Mỹ N số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Buộc ông Mai Xuân V phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Lê Mỹ N số tiền 1.742.500 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003946 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Các đương sự.
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**